



Mũi khoan lõi kim cương mạ điện



Dùng cho máy: máy mài góc 125mm, 150mm,180mm, 230mm
Vật liệu : đá cẩm thạch

Kích thước	Ren trục	Mã số
25mm	M14 x 2	D-35025
30mm	M14 x 2	D-35019
35mm	M14 x 2	D-35003

Mũi khoan lõi kim cương



Dùng cho máy mài: 115mm, 125mm, 150mm,180mm, 230mm
Vật liệu : đá granit/đá cẩm thạch/gạch sứ

Kích thước	Ren trục	Mã số
5 mm	M14 x 2	D-61064
12mm	M14 x 2	D-61101

Dùng cho máy mài: 110mm

Kích thước	Ren trục	Mã số
8mm	M10	D-63286
10mm	M10	D-63292
32mm	M10	D-63351
40mm	M10	D-63373

Mũi khoan lõi kim cương



Dùng cho máy: máy vận vít 13mm
Vật liệu : Granit /cẩm thạch/ gạch lát

Kích thước	Ren trục	Mã số
6mm	6mm x 12.5mm	B-51823
8mm	8mm x 12.5mm	B-51839
10mm	10mm x 12.5mm	B-51845

Lưỡi bào (2 cái/bộ)

HSS (Thép tốc độ cao): bề mặt cắt đẹp
TC (Tungsten Carbide): độ bền cao, phù hợp cho gỗ cứng



Dùng cho máy	Kích thước (mm)	Vật liệu	Mã số
1600	80	HSS	A-07397 <i>Số lượng có hạn</i>
1100/N, N1900B, 1902, N1923B/H, KP0810/C, KP0800, DKP180, DKP140	82	HSS	D-16346
	82	TC	D-07967
1002BA, 1911B	110	HSS	A-07412 <i>Số lượng có hạn</i>
	110	HSS	D-71211
	110	HSS	793008-8
	110	TC	793009-6
	110	TC	D-08822
1804N	136	HSS	A-07428 <i>Số lượng có hạn</i>
	136	HSS	793011-9 <i>Số lượng có hạn</i>
	136	HSS	D-71227
1805N	155	HSS	793013-5 <i>Số lượng có hạn</i>
	155	HSS	D-70910
	155	HSS	793014-3 <i>Số lượng có hạn</i>
2012NB	306	HSS	793350-7
2040	400	HSS	793019-3 <i>Số lượng có hạn</i>

Lưỡi bào nhỏ

(2 lưỡi/hộp)
Lưỡi có bước răng dài hơn cho tuổi thọ lâu hơn.
HSS: bề mặt cắt đẹp
TC: độ bền cao



Dùng cho máy	Kích thước (mm)	Vật liệu	Loại	Mã số
1100/N, N1900B, 1902, N1923B/H, KP0810/C, KP0800, DKP180, DKP140	82	TC	-	A-82921 <i>Số lượng có hạn</i>
	82	TC	-	D-07945
	82	TC	-	D-70823
2012NB	306	HSS	-	793346-8

Lưỡi cắt

Lưỡi ghép mỏng C.T

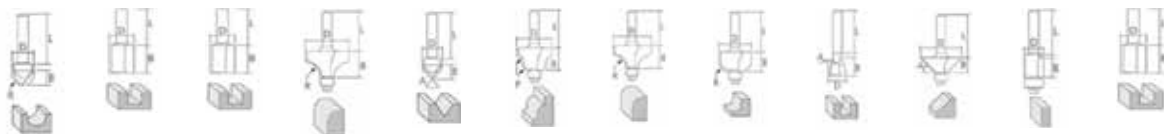


Dùng cho kiểu máy:
PJ7000, DPJ180

Đường kính lưỡi (mm)	Đường kính lỗ (mm)	Độ dày mũi	Mã số
100	22	4	B-20644

Bộ mũi phay

(12 cái/bộ)



Kích thước	#1	#2	#3	#4	#5	#6	#7	#8	#9	#10	#11	#12	Mã số
8mm	D:12.7	D:16.0	D:6.0	D:28.6	D:12.7	D:25.0	D:22.2	D:22.0	D:12.7	D:32.0	D:12.7	D:12.0	A-88054
6mm	R:6.35	B:20.0	B:20.0	R:9.5	B:9.1	R:4.0	R:6.3	R:6.3	B:12.7	B:12.2	B:13.0	B:20.0	A-87921
1/4"	L:29.0	L:28.0	L:25.0	L:25.5	A:90°	B:16.0	B:13.5	B:12.7	A:14°	A:45°	L:29.0	L:28.0	A-91051

Mũi thẳng



D	A1	L1	L2	Mã số
6	20	50	15	D-09313
6	6	50	18	D-09167
6	8	50	18	D-09260
12	10	60	25	D-10182
12	12	60	30	D-07892

(inch)

1/4"	6	50	18	D-09173
1/4"	8	50	18	D-15388
1/2"	10	60	25	D-15512
1/2"	12	60	30	D-07901

Mũi đục rãnh hình chữ U



(mm)

D	A1	L1	L2	R1	Mã số
6	6	50	18	3	D-09329

Mũi đục rãnh hình chữ V

B: Góc



(mm)

D	A1	L1	L2	B	Mã số
1/4"	20	50	15	90	D-15453

Mũi tia mép 1 đầu



(mm)

D	A1	L1	L2	L3	Mã số
6	6	60	18	28	D-09335
8	8	60	20	35	D-10578
12	12	60	20	35	D-10584

Mũi tia mép 2 đầu



(mm)

D	A1	L1	L2	L3	L4	Mã số
6	6	70	40	12	14	D-09341

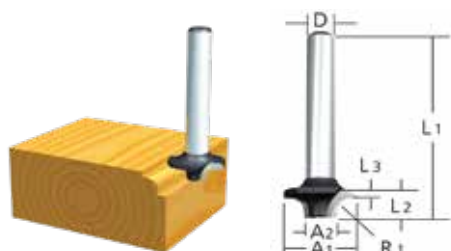
Mũi phay dạng ghép mộng



(mm)

D	A1	A2	L1	L2	L3	Mã số
12	38	27	61	4	20	D-12027

Mũi doa tròn góc

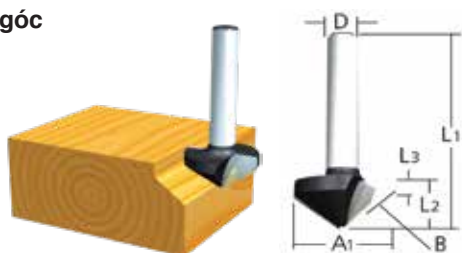


(mm)

D	A1	A2	L1	L2	L3	R1	Mã số
6	25	9	48	13	5	8	D-09363
6	20	8	45	10	4	4	D-09357

Mũi vát góc

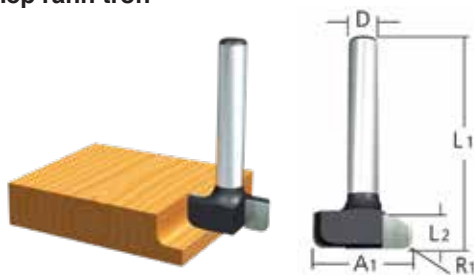
B: Góc



(mm)

D	A1	L1	L2	L3	B	Mã số
6	23	46	11	6	30	D-09379
6	20	50	13	5	45	D-09385
6	20	49	14	2	60	D-09391

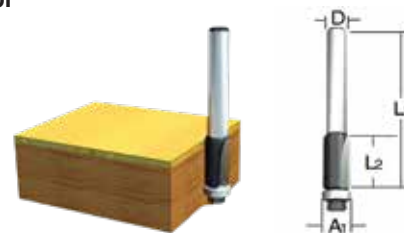
Mũi gấp mép rãnh tròn



(mm)

D	A1	L1	L2	R1	Mã số
6	20	43	8	4	D-09400
6	25	48	13	8	D-09416

Đầu tia mép ổ bi



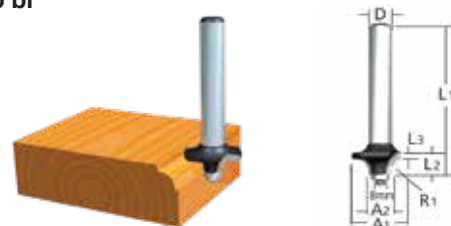
(mm)

D	A1	L1	L2	Mã số
6	10	50	20	D-09472

(inch)

1/4"	10	50	20	D-04313
------	----	----	----	---------

Mũi gấp mép ổ bi



(mm)

D	A1	A3	L1	L2	L3	R1	Mã số
6	20	12	40	10	5.5	4	D-09525
6	26	12	42	12	4.5	7	D-09547

Mũi doa tròn góc ổ bi



(mm)

D	A1	A2	L1	L2	L3	R1	Mã số
6	15	8	37	7	3.5	3	D-09422
6	21	8	40	10	3.5	6	D-09444
1/4"	21	8	40	10	3.5	6	D-15475

Mũi vát cạnh ổ bi

B: Góc



(mm)

D	A1	A2	L1	L2	B	Mã số
6	26	8	42	12	45	D-09488
6	20	8	41	11	60	D-09494
1/4"	26	8	42	12	45	D-15506

Mũi gấp mép ổ bi rãnh tròn



(mm)

D	A1	A2	L1	L2	L3	R1	Mã số
6	20	18	40	10	5.5	3	D-09553
6	26	22	42	12	5	5	D-09569

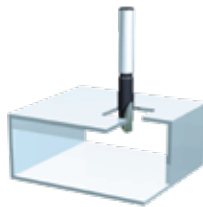
Mũi hình chữ S ổ bi roman



D	A1	A2	L1	L2	R1	R2	Mã số
6	20	8	40	10	2.5	4.5	D-09575
6	26	8	42	12	3	6	D-09581

Mũi khoét rãnh

Dùng cho máy: 4402



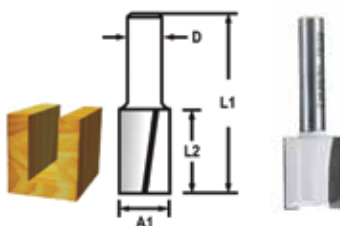
(mm)

D	A1	L1	L2	Mã số
6	6	65	18	D-16988
1/4"	6	65	18	D-16972

Mũi phay loại tiết kiệm



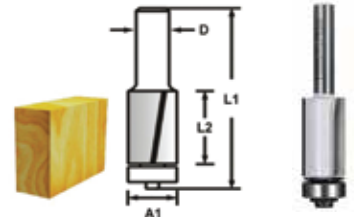
Mũi phay thẳng 2 đầu



(inch)

D	A1	L1	L2	Mã số
1/2"	3/8"	2-7/8"	1"	D-49199

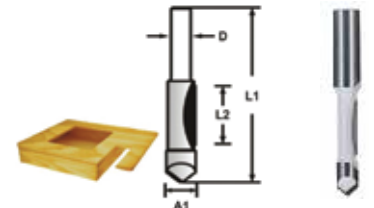
Mũi tia bằng 2 đầu



(inch)

D	A1	L1	L2	Mã số
1/4"	3/8"	2-5/8"	1"	D-49264

Mũi phay bảng

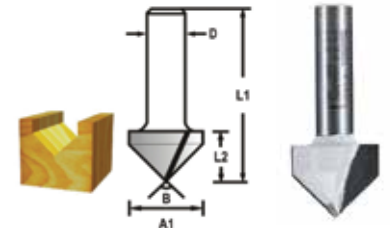


(inch)

D	A1	L1	L2	Mã số
1/4"	1/4"	2-9/16"	3/4"	D-49317

Mũi phay chữ V

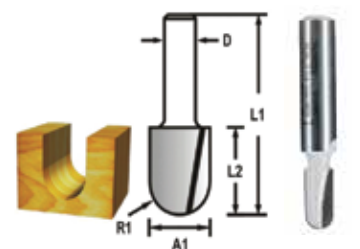
B: Góc



(inch)

D	A1	L1	L2	B	Mã số
1/2"	3/4"	2-1/4"	5/8"	90dg	D-49426

Mũi phay lõi hộp

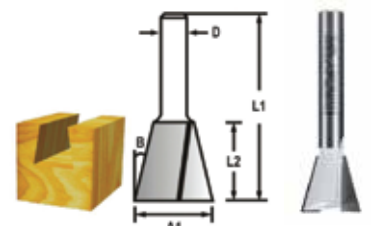


(inch)

D	A1	L1	L2	R1	Mã số
1/2"	3/4"	2"	1/2"	3/8"	D-49507

Mũi phay đuôi én

B: Góc

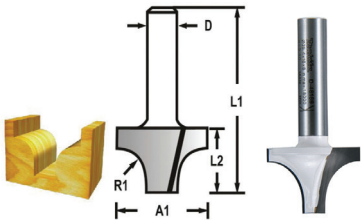


(inch)

D	A1	L1	L2	B	Mã số
1/4"	3/8"	1-9/16"	3/8"	9 dg	D-49535



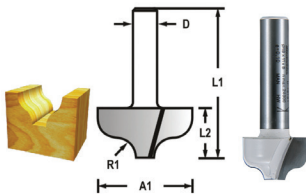
Mũi phay rãnh



(inch)

D	A1	L1	L2	R1	Mã số
1/4"	1"	1-7/8"	5/8"	3/8"	D-49638

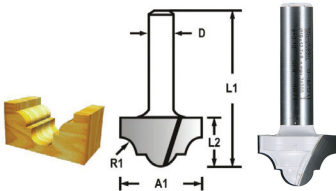
Mũi phay rãnh



(inch)

D	A1	L1	L2	R1	Mã số
1/4"	1-15/64"	1-7/8"	5/8"	1/4"	D-49666

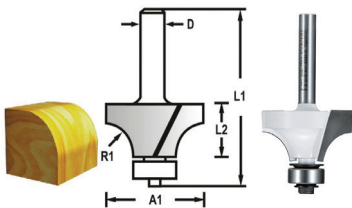
Mũi phay rãnh



(inch)

D	A1	L1	L2	R1	Mã số
1/2"	1"	2-1/8"	5/8"	7/32"	D-49694

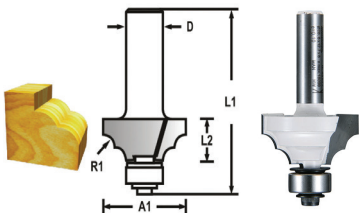
Mũi phay tròn góc ổ bi



(inch)

D	A1	L1	L2	R1	Mã số
1/4"	1-1/8"	2-1/4"	9/16"	5/16"	D-49797

Mũi phay tròn 2 góc ổ bi

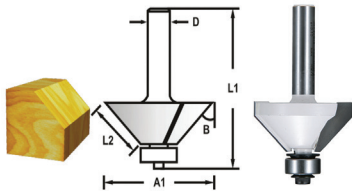


(inch)

D	A1	L1	L2	R1	Mã số
1/4"	1-1/8"	2"	1/2"	5/32"	D-49909

Mũi vát cạnh xiên ổ bi

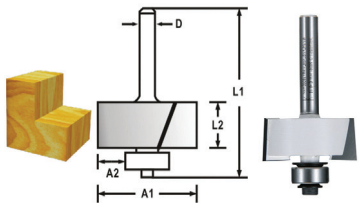
B: Góc



(inch)

D	A1	L1	L2	B	Mã số
1/4"	1-5/8"	2-5/16"	13/16"	45dg	D-50033

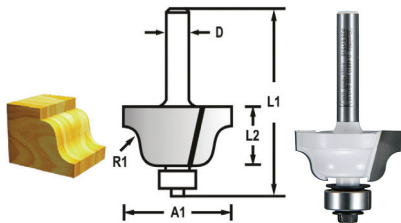
Mũi ghép ổ bi



(inch)

D	A1	A2	L1	L2	Mã số
1/4"	1-1/4"	3/8"	2-1/8"	1/2"	D-50061

Mũi hình chữ S ổ bi



(inch)

D	A1	L1	L2	R1	Mã số
1/4"	1-1/2"	2-3/8"	11/16"	1/4"	D-50099

Mũi phay thẳng



Mã số

733238-9